TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/DS-ST
Ngày 24-8-2017
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đặng Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cường.

2. Ông Lê Trung Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017, về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1970.

Ông B, sinh năm 1973.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà A (Theo giấy ủy quyền ngày 29/5/2017)

- *Bị đơn*: Bà C, sinh năm 1969.

D, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Bình Thuận

- *Người làm chứng:* Bà E, sinh năm 1942. Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa bà A, vắng mặt bà C, ông D, bà E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và ngày 22/5/2017, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B và bà A trình bày: Ngày 07/6/2016, vợ chồng nguyên đơn đã cho bà C và ông D vay số tiền 37.500.000 đồng, bà C và ông D viết và ký vào " Giấy hẹn nợ", hẹn mỗi tháng trả 5.000.000đồng bắt đầu từ 20 tháng giêng âm lịch. Việc vay mượn không thỏa thuận lãi, kể từ khi vay tiền đến nay bà C và ông D không trả nợ cho nguyên đơn.

Nguyên đơn bà A và ông B yêu cầu bà C và ông D phải trả cho nguyên đơn số tiền 37.500.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải và tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện theo đúng quy định pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn bà C và ông D không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A và ông B. Buộc bà C và ông D phải trả cho bà Hoa, ông Tính số tiền 37.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sự vắng mặt của bà C và ông D tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, bà C và ông D đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà C và ông D tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C và ông D.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà A và ông B yêu cầu bị đơn ông D và bà C phải trả số tiền 37.500.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 07/6/2016, bà A và ông B có cho ông D và bà C vay số tiền 37.500.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận không có lãi và lập "giấy hẹn nợ". Theo đó, bà C và ông D cam kết mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho bà A và ông B, bắt đầu từ ngày 20/01/2017. Việc vay mượn có sự chứng kiến của bà E là mẹ ruột bà C. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì ông D và bà C đã không thực hiện đúng cam kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà

A và ông B buộc bị đơn ông D và bà C phải trả cho nguyên đơn số tiền 37.500.000 đồng, là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông D và bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A và ông B.

Buộc bà C và ông D phải trả cho bà A và ông B số tiền là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật;

- Trường hợp các bên không thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí:

Bà A và ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà A và ông B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 937.500 đồng (Chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011950 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bà C và ông D phải chịu 937.500 đồng (Chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/8/2017). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện H;
-Chi cục THADS huyện H;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đặng Tân